| Công ty CP Tiến Việt Thái | **ĐƠN XIN VIỆC**<br>***Application Form*** | Biểu mẫu: BM_ĐXV<br>Quản lý: HCNS<br>Ngày ban hành: 01.01.2021<br>Số lần sửa đổi: 00 |
|---|---|---|

Đăng ký vào vị trí:..... . ..... Mức lương đề nghị: .....
Position applied for Expected sarting salary

Các loại giấy tờ kèm theo:

| | | | |
|---|---|---|---|
| □2 tấm hình 3x4 | □Bản sao sổ hộ khẩu | □Bản sao CMND | □Giấy chứng nhận hạnh kiểm |
| □Bằng tốt nghiệp | □Giấy chứng nhận NVQS | □Giấy chứng nhận ĐKKH | □Cam kết bảo lãnh của người thân |
| □Chứng chỉ tin học | □Bản sao bằng lái | □Bản sao kê khai TNCN | □ Bản sao giấy khai sinh |
| □Bản sao sổ sổ bảo hiểm | □Giấy khám sức khỏe | □Sơ yếu lý lịch | □Khác |

PHOTO
Hình 3x4

**Thông tin cá nhân. Vui lòng điền vào thông tin cần thiết**
**Essential Personel Information, please fill in this form completely**

**Tiểu sử bản thân ( Personel Background)**

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Họ và tên:<br>Full name | | | | Giới tính (Sex):<br>□Nam (Male) □ Nữ (Female) |
| Ngày tháng năm sinh:<br>Date of birth | Quốc tịch:<br>Nationality | Dân tộc:<br>Race | | Tôn giáo:<br>Religion |
| Tuổi:<br>Age | Chiều cao:<br>Height | Cân nặng:<br>Weight | Sức khỏe:<br>Health | Nhóm máu:<br>Blood group |
| Nơi sinh:<br>Place of birth | ĐT nhà:<br>Home tel. | Địa chỉ Email:<br>Email | | Di động:<br>Hand phone |
| Đại chỉ liên hệ:<br>Present address | | | | |
| Số CMND/ Hộ chiếu:<br>L.D.Card No/ Passport | | | Cấp tại:<br>Issued at | |
| Tỉnh:<br>Province | Ngày cấp:<br>Issued date | | Hạn sử dụng:<br>Expired date | |
| Mã số thuế TNCN:<br>Tax I.D.Card No | Số sổ BHXH:<br>Social. Securrity Card No | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Tình trạng chỗ ở:<br>Living status | □Nhà riêng<br>Own home | □Nhà thuê<br>Rent home | □Sống với cha mẹ<br>Live with Parents | □Ở ghép<br>Live with other |
| Tình trạng hôn nhân:<br>Marital status | □Độc thân<br>Single | □Kết hôn<br>Married | □Li dị<br>Divoreced | □Khác<br>Other |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Giấy chứng CNĐKKH<br>If married | □Có<br>Registered | □Không<br>Non-Registered | Thu nhập của vợ/ chồng<br>Spouse has any income | □Có<br>Yes | □Không<br>No |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Tên vợ / chồng:<br>Spouse's Name | Nghề nghiệp:<br>Occupation | | Nơi làm việc:<br>Firm Address | |
| Số con:<br>No. of Children | Số con đang theo học:<br>Children in school | | Số con trên 21 tuổi:<br>Children over 21 years | |
| Tên cha:<br>Name of father | Tuổi:<br>Age | Nghề nghiệp:<br>Occupation | □Còn sống:<br>Alive | □Đã chết:<br>Passed away |
| Tên Mẹ<br>Name of Mother | Tuổi:<br>Age | Nghề nghiệp:<br>Occupation | □Còn sống:<br>Alive | □Đã mất:<br>Passed away |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Trường hợp NVQS:<br>Military Service | □Được miễn<br>Exempted | □Đã học NVQS<br>Military Studied | □Hoàn thành NVQS<br>Discharged | □Khác<br>Other |

Tiểu Sử Học Đường ( Educational Background)

| Trình độ học vấn<br>Education | Tên trường<br>Name of Institute | Tỉnh<br>Province | Năm học<br>Year Attended | Nghành học/ Văn bằng nhận<br>Course Taken/ Completed |
|---|---|---|---|---|
| Tiểu học<br>Primary | | | | |
| Trung học<br>Secondary | | | | |
| Tốt nghiệp T.H<br>High School | | | | |
| Đại học<br>Higher Vocational | | | | |
| Sau Đại học<br>Bachelor Degree | | | | |
| Khác<br>Other | | | | |

| Công ty CP Tiến Việt Thái | **ĐƠN XIN VIỆC**<br>***Application Form*** | Biểu mẫu: BM_ĐXV<br>Quản lý: HCNS<br>Ngày ban hành: 01.01.2021<br>Số lần sửa đổi: 00 |
|---|---|---|

| Tóm tắt quá trình làm việc<br>Employment history | **Tên công ty**<br>**List of Employed** | **Thời gian công tác**<br>**Date Employed** | **Vị trí**<br>**Position** | **Mức lương sau cùng**<br>**Last salary** |
|---|---|---|---|---|
| | | Từ .....Đến..... | | |
| | | Từ .....Đến..... | | |
| | | Từ .....Đến..... | | |
| | | Từ .....Đến..... | | |
| | | Từ .....Đến..... | | |
| | | Từ .....Đến..... | | |

**Người có thể xác nhận về bạn nhưng không phải là bà con thân thuộc của bạn**
**Persons that is not your relatives and can be contacted for confirmation**

| **Họ và tên**<br>**Name** | **Quan hệ**<br>**Relationship** | **Nơi làm việc/Địa chỉ**<br>**Firm Address** | **Vị trí**<br>**Position** | **Điện thoại**<br>**Telephone** |
|---|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Kĩ năng khác:<br>Other ability | Vi tính<br>Computer | □MS Word<br>□MS Excel | □MS Access<br>□MS Powerpoint | □Khác<br>□Other |
| | Ngoại ngữ<br>Language | □Anh ngữ<br>English | □Pháp<br>France | □Khác<br>Other |
| | Lái xe<br>Drive | □Xe gắn máy<br>Motobike | □Xe hơi<br>Car | □Khác<br>Other |

Bạn hiện đang làm việc cho công ty nào không? □Có □ Không Địa chỉ:
Are you working for any company? Yes No Address

Người quen của bạn hiện có đang làm việc cho công ty này?
Relatives or friends working in this company?

Bạn có sẵn sàng làm việc ngoài giờ? □Yes/Có Are you ready to work other province for business trip?
Are you ready to work overtime? □No/Không Bạn có sẵn sàng đi công tác ngoài tỉnh? □Yes/Có □ No/Không

Ngày bạn có thể bắt đầu làm việc? Nguyện vọng của bạn:
Date available to start work? Your expectation?

Tôi cam đoan những thông tin trên là đúng với sự thật. Nếu có điều gì che giấu hoặc cố tình cung cấp sai sự thật tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và nội quy của công ty
I certify that all my personel information in this application is correct anh untruth is hiden perfectly. If any case to be wrong intentionally I'll take responsibility to be discharged by the current law and employment company regulations without severance pay or compensation

Ngày: ...../...../..... Kí và ghi rõ họ tên.....
Date Application's signature

## Phần dành cho công ty / Company comments:

Người phỏng vấn:.....
Interviewer
Kết quả phỏng vấn:.....
Decision reached
Ngày bắt đầu công việc:.....
Date of Employment
Lương khởi điểm:.....
Salary
Thời gian thử việc:.....
Probation term

Ngày phỏng vấn: ...../...../.....
Date of interview
Vị trí bắt đầu: .....
Position which is considered
Trực thuộc quản lý của: .....
Report to
Điều kiện thỏa thuận khác: .....
Other conditions
Mã số hợp đồng: .....
Probation contract no

Duyệt bởi:

Final Approval